

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

-----***-----

Bản án số: 22/2020/DS-ST

Ngày 02/7/2020

V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản
là quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Cảnh Toàn.**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Lam.**

2. Bà **Nguyễn Thị Chinh.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lương Thị Ngọc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2019/TLST- DS ngày 22 tháng 7 năm 2019 về Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST-DS ngày 30/6/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đinh Thị Kim H.**

Địa chỉ: thôn X – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện được ủy quyền (theo giấy ủy quyền vào ngày 08/5/2020): ông **Nguyễn Huy H.** Có mặt.

Địa chỉ: X – HV – phường A – thị xã B - tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn C.** Có mặt.

Địa chỉ: thôn X – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Cao Thị T.** Có mặt.

2. Ông **Nguyễn Văn T.** Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Anh **Nguyễn Anh D.** Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Chị **Nguyễn Thị Thu S.** Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn X – xã E – huyện Krông N – tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Đinh Thị Kim H trình bày: Vào năm 2005, tôi cho ông Nguyễn Văn C mượn đất để cất tạm nhà ở với diện tích đất chiều rộng 10m x chiều dài khoảng 30m. Phía Tây giáp với đất ông Đinh Quang H, phía Đông giáp với đất ông Đinh Quang P, phía Nam giáp với đường liên thôn. Đất tại thôn X – xã E – huyện K. Trước khi cho ông C mượn đất, tôi có viết giấy cho đất để hợp lệ làm hộ khẩu tại xã E. Tôi có thỏa thuận với gia đình ông C, nếu ở luôn thì ông C phải trả cho tôi 10.000.000 đồng, nếu không trả tiền thì phải chuyển nhà đi và trả đất lại cho tôi nhưng ông C không trả tiền cũng không trả lại đất cho tôi. Vợ ông C còn xúc phạm, chửi bới tôi nên tôi đề nghị trả lại đất, nếu không trả lại đất thì trả tiền cho tôi với giá đất hiện nay là 1m mặt đường giá $15.000.000 \times 10m = 150.000.000$ đồng.

Ngày 16/01/2020, bà Đinh Thị Kim H có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về diện tích 91m², là thửa đất của ông Nguyễn Văn T. Yêu cầu ông Nguyễn Văn C, bà Cao Thị T phải hoàn trả diện tích 209m² tại thôn X – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk, có tứ cận là: Tây giáp nhà ông H dài 19m, Đông giáp đất của bà H dài 19m, Bắc giáp đất ông T rộng 11m và Nam giáp đường liên thôn rộng 11m.

- Bị đơn, ông Nguyễn Văn C khai: Vào tháng 6/2001, tôi được ông Nguyễn Văn T đưa từ Quảng Bình vào Đắk Lắk để làm ăn sinh sống. Sau một thời gian tìm hiểu thì tôi và chị T tiến hành kết hôn. Đến năm 2010, do khi đó vợ chồng không có đất để làm nhà ở và canh tác nên vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị Kim H có tặng cho tôi một diện tích đất có chiều rộng 10m x chiều dài 30m (đất nông nghiệp) tại thôn X – xã E – huyện K để làm nhà ở và sinh sống. Khi cho tặng thì gia đình có họp lại với nhau và những người trong gia đình có lập Biên bản họp gia đình ngày 06/10/2010 để cho tặng tôi với diện tích đất trên, có xác nhận của vợ chồng ông T, bà H và Ban tự quản thôn X – xã E là ông Cao Văn L về sự việc trên. Chúng tôi đã sử dụng ổn định từ năm 2010 cho đến nay. Do điều kiện khó khăn nên chúng tôi chưa làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Nay ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị Kim H đã ly hôn nên bà H đã làm đơn khởi kiện yêu cầu chúng tôi trả lại diện tích đất tại thôn X – xã E thì vợ chồng tôi không đồng ý, vì ông bà đã cho tặng đất nhưng nay đòi lại thì chúng tôi không đồng ý trả.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Cao Thị T trình bày như ý kiến đã trình bày của ông Nguyễn Văn C.

+ Ông Nguyễn Văn T trình bày: Tôi và chị Đinh Thị Kim H trước đây là vợ chồng. Năm 2013 thì chúng tôi đã ly hôn. Tôi và anh Nguyễn Văn C là anh em con chú, con bác, chị Cao Thị T là vợ của anh C. Tôi thừa nhận, năm 2010 có cho anh Nguyễn Văn C diện tích đất khoảng 300m² (ngang theo mặt đường 10m x dài hết lô khoảng 30m) tại thôn X – xã E, có tứ cận: Đông giáp đất của tôi và chị H, Tây giáp đất ông H, Nam giáp đất ông P và Bắc giáp đường thôn. Việc tặng cho diện tích đất trên, hai bên có làm giấy tờ, biên bản tặng cho và có qua ban tự quản thôn xác nhận nhưng chưa qua UBND xã chứng thực. Sau khi tặng cho thì vợ chồng anh C ở sử dụng, làm nhà và trồng cây cho đến nay. Khi giải quyết ly hôn thì toàn bộ thửa đất của tôi và chị H chia đôi tính theo mặt đường QL29 và diện tích đất này được tách làm hai thửa ra hai giấy chứng nhận QSD đất mang tên tôi và thửa đất kia mang tên chị H. Về diện tích 300m² mà chúng tôi đã cho anh Công hiện nay một nửa nằm trong giấy chứng nhận QSD đất của tôi và một nửa nằm trong giấy chứng nhận QSD đất

của chị H (nửa phía ngoài mặt đường liên thôn nằm trong thửa đất của chị H). Quan điểm của tôi là chúng tôi đã cho anh C thì anh C được quyền sử dụng. Đối với phần đất của tôi (là nửa phía sau của thửa đất đã cho) thì tôi vẫn cho anh C sử dụng và tôi không có tranh chấp với anh C về thửa đất này. Đối với phần đất mà anh C, chị T đang sử dụng nằm trong phần đất theo giấy chứng nhận QSD đất của chị H thì đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với phần đất của tôi thì tôi đã cho anh C nên tôi để anh C, chị T sử dụng. Tôi không có tranh chấp hay có yêu cầu gì.

+ Anh Nguyễn Anh D, chị Nguyễn Thị Thu S trình bày: Chúng tôi là con của ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị Kim H. Việc tranh chấp đất đai giữa mẹ tôi (Đinh Thị Kim H) với ông Nguyễn Văn C và bà Cao Thị T tại thôn X – xã E như thế nào thì đề nghị theo quy định của pháp luật. Việc tranh chấp đất thì chúng tôi không liên quan vì đất là của bố mẹ. Chúng tôi đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện được ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện, bị đơn và người liên quan có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm.

Phản tranh luận, đại diện nguyên đơn đề nghị ông Nguyễn Văn C, bà Cao Thị T hoàn trả diện tích thực tế như đã thẩm định là 209m² (rộng theo mặt đường liên thôn 11m x dài 19m). Về diện tích đất này hiện đang nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đinh Thị Kim H, sau khi đã được tách thửa, sang tên cho bà H. Về các giấy “Biên bản họp gia đình” ngày 06/10/2010 chỉ là giấy tờ để hợp thức hóa cho ông C làm thủ tục nhập khẩu tại thôn X – xã E. Những tài liệu, giấy tờ này được ông C lấy từ Công an xã E. Nay bà Đinh Thị Kim H yêu cầu ông C, bà T phải hoàn trả diện tích đất trên thì đề nghị ông, bà phải có trách nhiệm di dời, tháo dỡ tài sản trên đất để giao trả đất cho bà H.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị T không chấp nhận, vì đất đã được ông T và bà H cho để sử dụng và đã sử dụng ổn định đến nay. Quá trình sử dụng đã làm nhà, trồng cây và vẫn sử dụng ổn định, liên tục. Việc tặng cho đất bà H, ông T đã ký và chính bà H cũng đã viết giấy, có xác nhận của thôn nên không đồng ý hoàn trả diện tích đất như yêu cầu của nguyên đơn và đại diện của nguyên đơn.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng (quan hệ tranh chấp, thẩm quyền thụ lý và việc tham gia của các đương sự):

[1.1] Đơn khởi kiện ngày 16/7/2019, bà Đinh Thị Kim H yêu cầu ông Nguyễn Văn C, bà Cao Thị T phải giao trả diện tích đất đã mượn tại thôn X – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk. Quan hệ tranh chấp được xác định là: Tranh chấp về đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất, được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn là ông Nguyễn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Cao Thị T. Bị đơn, người liên quan có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

[1.2] Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về phạm vi khởi kiện: Tại đơn khởi kiện, bà Đinh Thị Kim H yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Cao Thị T phải giao trả diện tích đất 300m² (chiều rộng 10m x chiều dài khoảng 30m). Ngày 16/01/2020, bà Đinh Thị Kim H có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tích 91m², là thửa đất của ông Nguyễn Văn T. Nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn C, bà Cao Thị T phải giao trả diện tích 209m², có tứ cận: Tây giáp đường liên thôn rộng 11m, Đông giáp đất ông T rộng 11m, Nam giáp đất ông H dài 19m, Bắc giáp đất bà H dài 19m, tại thôn X – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái pháp luật nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể là về diện tích 91m² tại thôn X – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk.

[2.2] Về nguồn gốc đất: Bà Đinh Thị Kim H với ông Nguyễn Văn T là vợ chồng và ngày 07/8/2002 được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận QSD đất số P 069875 với diện tích đất 7.140m² theo thửa số 119, tờ bản đồ 23 tại thôn X – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 77/2013/QĐ-TTLH ngày 20/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện K giữa ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị Kim H thì ngày 19/12/2018, bà Đinh Thị Kim H được cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 073822 với diện tích 3.394,6m² theo thửa số 57, tờ bản đồ 60 tại thôn X – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk.

Xét nguồn gốc diện tích đất 7.140m² theo thửa số 119, tờ bản đồ 23 tại thôn X – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk là tài sản chung hợp pháp của ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị Kim H. Sau khi được tách thửa, sang tên theo Quyết định của Tòa án thì diện tích đất 3.394,6m² theo thửa số 57, tờ bản đồ 60 tại thôn X – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk là tài sản riêng của bà Đinh Thị Kim H đã được công nhận quyền sử dụng.

[2.3] Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ đã xác định diện tích đất hiện nay ông Nguyễn Văn C, bà Cao Thị T đang sử dụng tại thôn X – xã E – huyện K là 471,5m², có tứ cận: Tây giáp đường liên thôn rộng 11m, Đông giáp đất ông P rộng 10,3m, Nam giáp đất ông H dài 44mm, Bắc giáp đất bà H dài 19m + giáp đất ông T dài 25m. Tài sản trên đất là 01 căn nhà gỗ hai gian lợp ngói, thưng ván, 12 trụ + dây tiêu, 13 trụ tiêuximăng không có dây tiêu, 03 cây sầu riêng năm thứ 2, 01 cây bưởi năm thứ hai, 01 căn nhà cấp bốn một mái, lợp tôn, tường xây bao xây năm 2017.

Diện tích hiện bà Đinh Thị Kim H, ông Nguyễn Văn C và bà Cao Thị T hiện đang có tranh chấp theo thực tế là 209m², có tứ cận: Tây giáp đường liên thôn rộng 11m, Đông giáp đất ông T (hiện ông C, bà T đang sử dụng) rộng 11m, Nam giáp đất ông H dài 19m, Bắc giáp đất bà H dài 19m. Tài sản trên đất là 01 trụ + dây tiêu trồng năm 2011, 01 cây Bưởi trồng năm thứ hai, 01 nhà gỗ hai gian, lợp ngói có diện tích (5,6m x 5,6m) 31,36m² làm năm 2007, 01 nhà xây một mái lợp tôn, tường xây bao (rộng 4m x dài 8,5m) 34m² xây vào năm 2017. Diện tích đất và tài sản trên đất hiện đang tranh chấp nằm trong diện tích đất của bà Đinh Thị Kim H đã được sang tên theo giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 073822 ngày 19/12/2018.

[2.4] Xét các “Biên bản họp gia đình” vào ngày 06/10/2010 thì thấy không thể hiện đầy đủ về nội dung của việc tặng cho, hình thức của văn bản không phù hợp với quy định của pháp luật và việc thực hiện chưa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật đất đai cũng như chưa được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền nên không làm phát sinh hiệu lực. Việc sử dụng, chiếm hữu diện tích 209m² đất, có tứ cận: Tây giáp đường liên thôn rộng 11m, Đông giáp đất ông T (hiện ông C, bà T đang sử dụng) rộng 11m, Nam giáp đất ông H dài 19m, Bắc giáp đất bà H dài 19m tại thôn X – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk của ông Nguyễn Văn C và bà Cao Thị T là không có căn cứ pháp luật nên bà Đinh Thị Kim H có quyền được bảo vệ quyền sở hữu để đòi lại tài sản, cần buộc ông Nguyễn Văn C và bà Cao Thị T phải giao trả diện tích đất trên cho bà Đinh Thị Kim H.

Tài sản trên đất là 01 trụ + dây tiêu, 01 cây Bưởi, 01 nhà xây một mái lợp tôn, tường xây bao diện tích 34m². Xét thấy đây là những tài sản gắn liền với đất, không thể di dời nên cần buộc bà Đinh Thị Kim H phải hoàn trả giá trị các tài sản đã được định giá, cụ thể là: Giá trị 01 trụ có dây tiêu có giá 525.000 đồng + 01 cây bưởi 98.600 đồng + giá trị sau khi tính khấu hao còn lại của căn nhà xây là 43.561.000 đồng, tổng cộng 44.184.500 đồng (đã làm tròn số). Buộc bà H phải có trách nhiệm trả lại số tiền 44.184.500 đồng cho ông C, bà T.

Ông Nguyễn Văn C và bà Cao Thị T phải tháo dỡ và di dời toàn bộ căn nhà gỗ hai gian, lợp ngói có diện tích (5,6m x 5,6m) 31,36m².

[2.5] Về diện tích 266m², có tứ cận Bắc giáp đất ông T dài 25m, Nam giáp đất ông H dài 25m, Đông giáp đất ông P rộng 10,3m và Tây giáp thửa đất bà H đã được tách thửa, sang tên rộng 11m và các cây trồng trên đất thì hiện ông C, bà T đang sử dụng và hiện nay đang nằm trong thửa đất của ông Nguyễn Văn T. Quá trình giải quyết thì ông T, ông C với bà T không tranh chấp về diện tích đất này và các đương sự cũng không đề nghị phải xem xét, giải quyết về diện tích đất này nên không đề cập.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, được tính theo giá trị đất thị trường đối với diện tích 209m² có giá 8.360.000 đồng x 5% = 418.000 đồng. .

Bà Đinh Thị Kim H phải chịu 2.209.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 3.750.000 đồng. Hoàn trả cho bà Đinh Thị Kim H số tiền 1.541.000 đồng còn lại.

[3.2] Chi phí tố tụng: Bà Đinh Thị Kim H phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Nguyễn Văn C phải chịu 2.000.000 đồng chi phí định giá tài sản. Ghi nhận việc bà Đinh Thị Kim H đã nộp số tiền 4.000.000 đồng cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ông Nguyễn Văn C phải hoàn trả cho bà Đinh Thị Kim H số tiền 2.000.000 đồng chi phí cho việc định giá tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 166 Luật đất đai 2013; Điều 163, Điều 164, Điều 166 và Điều 459 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39;

Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Kim H về diện tích 91m² tại thôn X – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Kim H.

2.1. Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Cao Thị T phải giao trả diện tích đất 209m², có tứ cận: Tây giáp đường liên thôn rộng 11m, Đông giáp đất ông T rộng 11m, Nam giáp đất ông H dài 19m, Bắc giáp đất bà H dài 19m tại thôn X – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk cho bà Đinh Thị Kim H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP073822, thửa đất số 57, tờ bản đồ số 60 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19/12/2018.

2.2. Bà Đinh Thị Kim H phải trả cho ông Nguyễn Văn C, bà Cao Thị T giá trị cây trồng, căn nhà đã được xác định là 44.184.500 đồng và bà H được quyền sở hữu 01 trụ có dây tiêu, 01 cây bưởi, 01 căn nhà xây một mái lợp tôn, tường xây bao có diện tích 34m² (rộng 4m x dài 8,5m) trên đất tại thôn X – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

2.3. Ông Nguyễn Văn C, bà Cao Thị T phải tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà gỗ hai gian, lợp ngói có diện tích 31,36m² tọa lạc trên diện tích đất của bà Đinh Thị Kim H tại thôn X – xã E – huyện K – tỉnh Đắk Lắk.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 418.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đinh Thị Kim H phải chịu 2.209.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 3.750.000 đồng. Hoàn trả cho bà Đinh Thị Kim H số tiền 1.541.000 đồng còn lại.

3.2. Chi phí tố tụng: Bà Đinh Thị Kim H phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Nguyễn Văn C phải chịu 2.000.000 đồng chi phí định giá tài sản. Ghi nhận việc bà Đinh Thị Kim H đã nộp số tiền 4.000.000 đồng cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ông Nguyễn Văn C phải hoàn trả cho bà Đinh Thị Kim H số tiền 2.000.000 đồng chi phí cho việc định giá tài sản.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những phần liên quan trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo những phần liên quan trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án niệm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Cảnh Toàn